

NGUYÊN CỨU KỸ THUẬT HONG PHƠI THUỐC LÁ ORIENTAL GIỐNG BASMA 16 TẠI ĐẮK LẮK

ĐỖ ĐÌNH DŨNG^{1*} - NGUYỄN VĂN NGHĨA¹

¹Viện Thuốc lá - Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam

The Tobacco Institute, Vietnam Tobacco Corporation

*Tác giả liên hệ - Email: dungvtl5@gmail.com

Ngày nhận bài: 1/7/2026

Ngày sửa bài: 14/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 28/7/2026

Tóm tắt:

Nhằm xây dựng quy trình kỹ thuật hong phơi nguyên liệu thuốc lá Oriental giống Basma 16 phù hợp với điều kiện sản xuất tại Đắk Lắk, Viện Thuốc lá đã thực hiện nghiên cứu nhằm xác định mật độ lá hong phơi phù hợp ở 2 phương pháp hong dây xiên và hong trên liếp trong vụ mùa 2025-2026. Thí nghiệm được tiến hành với 3 mức về mật độ lá ở mỗi phương pháp hong phơi. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mật độ lá khi hong phơi ảnh hưởng đến khả năng thoát ẩm, thời gian sấy khô và tỷ lệ lá thương phẩm. Điều kiện nhiệt độ 30,2-31,5°C và độ ẩm 68,0-69,2% trong giai đoạn ủ vàng; 30,7°C và độ ẩm 65,2-65,8% trong giai đoạn sấy khô tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển hóa sinh hóa của lá. Phương pháp hong trên liếp cho tỷ lệ lá cấp 1+2 cao hơn so với hong dây xiên, đồng thời giảm thời gian hong và chi phí lao động. Mật độ 6 kg lá tươi/liếp được xác định phù hợp để áp dụng trong sản xuất nguyên liệu thuốc lá Oriental giống Basma 16 tại Đắk Lắk.

Từ khóa: thuốc lá Oriental, hong phơi, mật độ lá, chất lượng nguyên liệu

Curing techniques for Basma 16 Oriental tobacco in Dak Lak

Abstract:

This study develops an appropriate curing technique for Basma 16 Oriental tobacco under production conditions in Dak Lak by evaluating leaf density under two methods: skewered-string curing and tray curing during the 2025 - 2026 crop season. Three leaf-density levels were tested for each method. Leaf density affected moisture loss, drying time, and the proportion of marketable leaves. Temperatures of 30.2 - 31.5°C with relative humidity of 68.0 - 69.2% during yellowing, and 30.7°C with relative humidity of 65.2 - 65.8% during drying, favored biochemical transformations in the leaves. Tray curing produced a higher proportion of Grade 1+2 leaves than skewered-string curing while reducing curing time and labor costs. The results support tray curing as a suitable method for producing Basma 16 Oriental tobacco in Dak Lak.

Keywords: Oriental tobacco, curing, leaf density, raw material quality

1. Đặt vấn đề

Thuốc lá Oriental là nhóm nguyên liệu giàu các hợp chất tạo hương tự nhiên và được sử dụng trong phối chế thuốc lá điều nhằm nâng cao hương vị, tính hài hòa và chất lượng sản phẩm. Hiện nay, nguồn nguyên liệu Oriental sử dụng trong nước chủ yếu vẫn phải nhập khẩu từ các quốc gia có truyền thống sản xuất như Bungari, Thổ Nhĩ Kỳ và Bắc Macedonia, làm tăng chi phí sản xuất và mức độ phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài. Kết quả nghiên cứu trong những năm gần đây của Viện Thuốc lá cho thấy, thuốc lá Oriental phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu tại khu vực phía Tây tỉnh Đắk Lắk nên có thể triển khai sản xuất nguyên liệu tại đây và mở ra khả năng phát triển nguồn nguyên liệu trong nước để thay thế một phần nguyên liệu nhập khẩu. Giống Basma 16 thuộc nhóm giống Oriental có tiềm năng chất lượng cao, tuy nhiên cho đến nay, chưa có các nghiên cứu về kỹ thuật hong phơi đối với nhóm giống này được triển khai trong nước. Từ thực tế trên, để sản xuất nguyên liệu thuốc lá Oriental bằng giống Basma 16 cho chất lượng tốt và hiệu quả kinh tế cao thì cần thiết phải tiến hành các nghiên cứu về kỹ thuật sơ chế đối với giống thuốc lá này ở điều kiện sản xuất tại Đắk Lắk. Từ yêu cầu thực tiễn trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của mật độ hong phơi đến chất lượng nguyên liệu của giống thuốc lá Oriental Basma 16 ở 2 phương pháp hong phơi khác nhau, tạo cơ sở cho việc xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất loại nguyên liệu thuốc lá này tại Đắk Lắk.

2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là giống thuốc lá Oriental Basma 16. Đây là giống thuốc lá Oriental đã được trồng thử nghiệm tại Đắk Lắk trong các vụ mùa 2021-2023 và nguyên liệu được đánh giá có chất lượng tốt với hương thơm đặc trưng của thuốc lá Oriental ở mức khá.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Bố trí thí nghiệm

Giống thuốc lá Oriental Basma 16 được trồng với diện tích 1.000 m² và chăm sóc theo quy trình kỹ thuật canh tác của Viện Thuốc lá.

Thí nghiệm so sánh ảnh hưởng của mật độ lá hong phơi theo 2 phương pháp sơ chế gồm hong dây xiên và hong trên liếp được tiến hành trên lá thu hoạch khi đạt độ chín kỹ thuật của vị bộ lá C (lá tầng giữa của cây), mỗi công thức mật độ được lặp lại 3 lần.

Các công thức thử nghiệm được bố trí như sau:

- | | |
|-------------------------------|-----------------------------------|
| a) Phương pháp hong trên liếp | b) Phương pháp hong trên dây xiên |
| MĐL1: 6,0 kg lá tươi/liếp; | MĐX1: 1,0 kg lá tươi/m dây xiên; |
| MĐL2: 7,0 kg lá tươi/liếp; | MĐX2: 1,5 kg lá tươi/m dây xiên; |
| MĐL3: 8,0 kg lá tươi/liếp. | MĐX3: 2,0 kg lá tươi/m dây xiên. |

Các biện pháp kỹ thuật như điều chỉnh độ thông thoáng, che phủ bạt hoặc bổ sung ẩm được thực hiện nhằm duy trì điều kiện phù hợp cho quá trình chuyển vàng và làm khô lá theo yêu cầu kỹ thuật đối với nguyên liệu thuốc lá Oriental.

2.2.2. Điều kiện và thiết bị hong phơi

Lán hong sử dụng kiểu lán chữ A truyền thống, kết cấu bằng thép hộp mạ kẽm, kết hợp màng PE và bạt dứa nhằm điều chỉnh điều kiện vi khí hậu trong quá trình hong phơi. Diện tích lán hong là 100 m². Liếp hong được chế tạo bằng thép mạ kẽm kết hợp lưới nhựa, kích thước 1 m × 2 m. Dây xiên sử dụng dây thép mạ kẽm đường kính 2 mm.

Theo dõi nhiệt độ và độ ẩm không khí bằng thiết bị đo tự động.

2.2.3. Các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá

- Các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá được thực hiện theo Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 03:2024/VTL về Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống thuốc lá Oriental (Viện Thuốc lá, 2024) [6].

- Phân cấp thuốc lá sau sơ chế theo Tiêu chuẩn phân cấp thuốc lá của Bungari “Tiêu chuẩn quốc gia 9271 - 85” [5].

- Phân tích một số thành phần hóa học chính tại Phòng Phân tích Viện Thuốc lá như Nicotin theo CORESTA 85:2017[2], đường khử theo CORESTA 38:2010 [3].

- Đánh giá chất lượng cảm quan theo TCVN 13583:2022 (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022) [1].

- Nhiệt độ và độ ẩm không khí trong lán hong và ngoài môi trường trong quá trình hong phơi được theo dõi bằng thiết bị đo tự động. Các thông số vi khí hậu được ghi nhận định kỳ trong hai giai đoạn chính gồm: Giai đoạn ủ vàng và Giai đoạn sấy khô.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trong vụ mùa 2025-2026 tại xã Ea Bung, tỉnh Đắk Lắk.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Ảnh hưởng của mật độ lá hong phơi đến điều kiện nhiệt độ và độ ẩm trong quá trình hong phơi

3.1.1. Điều kiện nhiệt độ, độ ẩm trong giai đoạn ủ vàng

Kết quả tại Bảng 1 cho thấy trong giai đoạn ủ vàng, nhiệt độ không khí trong lán hong của giống Basma 16 dao động từ 30,2 đến 31,5°C tương ứng với hai phương pháp hong, cao hơn so với điều kiện môi trường bên ngoài.

Bảng 1. Nhiệt độ, độ ẩm giai đoạn ủ vàng ở các mật độ lá hong phơi giống Basma 16

Phương pháp hong	Mật độ lá	Trong lán hong		Môi trường	
		Nhiệt độ KK TB (°C)	Độ ẩm KK TB (%)	Nhiệt độ KKTB (oC)	Độ ẩm KKTB (%)
Trên dây xiên	1 kg/m dây	31,5	69,2	29,8	65,4
	1,5 kg/m dây	31,5	69,2		
	2 kg/m dây	31,5	69,2		
Trên liếp	6 kg/liếp	30,2	68,0		
	7 kg/liếp	30,2	68,0		
	8 kg/liếp	30,2	68,0		

So với môi trường bên ngoài, nhiệt độ trong lán hong cao hơn khoảng 0,4-1,7°C. Sự chênh lệch này cho thấy kết cấu lán hong truyền thống có khả năng giữ nhiệt, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt hóa các enzyme trong lá sau thu hoạch. Khoảng nhiệt độ 30-31°C được duy trì trong giai đoạn ủ vàng phù hợp với quá trình phân hủy diệp lục, chuyển hóa các hợp chất dự trữ và hình thành màu vàng đặc trưng của nguyên liệu Oriental.

Về độ ẩm tương đối trong lán hong giai đoạn ủ vàng dao động từ 68,0 đến 69,2%. So với môi trường bên ngoài, độ ẩm trong lán được duy trì tương đối ổn định, đặc biệt ở giai đoạn đầu sau thu hoạch khi lá còn chứa nhiều nước.

Điều kiện nhiệt độ kết hợp với độ ẩm tương đối 68-70% tạo môi trường thích hợp để lá tiếp tục diễn ra các quá trình sinh hóa trong thời gian ủ vàng, hạn chế hiện tượng mất nước quá nhanh gây ảnh hưởng đến màu sắc và chất lượng nguyên liệu.

3.1.2. Điều kiện nhiệt độ, độ ẩm trong giai đoạn sấy khô

Trong giai đoạn sấy khô, nhiệt độ trong lán hong có xu hướng tăng nhẹ so với giai đoạn ủ vàng. Kết quả tại Bảng 2 cho thấy nhiệt độ trung bình trong lán ở mức 30,7°C.

So với điều kiện môi trường bên ngoài, nhiệt độ trong lán cao hơn khoảng 0,7°C. Điều này cho thấy lán hong có khả năng duy trì mức nhiệt ổn định, hỗ trợ quá trình thoát ẩm của lá nhưng không gây mất nước quá nhanh.

Bảng 2. Nhiệt độ, độ ẩm giai đoạn sấy khô thử nghiệm mật độ lá giống Basma 16

Phương pháp hong	Mật độ lá	Trong lán hong		Môi trường	
		Nhiệt độ KKTB (°C)	Độ ẩm KKTB (%)	Nhiệt độ KKTB (°C)	Độ ẩm KKTB (%)
Trên dây xiên	1 kg/m dây	30,7	65,2	30,0	68,4
	1,5 kg/m dây	30,7	65,2		
	2 kg/m dây	30,7	65,2		
Trên liếp	6 kg/liếp	30,7	65,8		
	7 kg/liếp	30,7	65,8		
	8 kg/liếp	30,7	65,8		

Độ ẩm tương đối trong lán hong giai đoạn sấy khô dao động từ 65,2 đến 65,8%. So với môi trường bên ngoài, độ ẩm trong lán thấp hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình bay hơi nước và làm khô lá.

Sự kết hợp giữa nhiệt độ khoảng 30°C và độ ẩm tương đối 65% giúp quá trình mất nước diễn ra từ từ, đồng đều, hạn chế hiện tượng khô nhanh gây giòn lá, nứt gãy hoặc làm giảm khả năng giữ màu sắc và hương thơm của nguyên liệu.

Kết quả theo dõi cũng cho thấy, sự thay đổi mật độ lá trong phạm vi nghiên cứu chưa làm thay đổi rõ rệt nhiệt độ và độ ẩm trung bình trong lán hong. Điều này chứng tỏ điều kiện vi khí hậu trong lán chủ yếu chịu ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết, cấu trúc lán và phương pháp bố trí lá hơn là sự khác biệt về mật độ lá ở phạm vi các công thức thử nghiệm.

3.2. Ảnh hưởng của mật độ lá hong phơi đến thời gian sơ chế và tỷ lệ lá cấp 1+2

Kết quả đánh giá ảnh hưởng của mật độ lá và phương pháp hong phơi đến thời gian sơ chế, tỷ lệ tươi/ khô và tỷ lệ lá cấp 1+2 được trình bày tại Bảng 3.

Bảng 3. Một số chỉ tiêu hong phơi nguyên liệu thuốc lá Oriental giống Basma 16 tại Đắk Lắk vụ mùa 2025-2026

Phương pháp hong	Mật độ lá	Thời gian hong phơi (ngày)			Tỷ lệ tươi/ khô	Tỷ lệ lá cấp 1+2 (%)
		Ủ vàng	Sấy khô	Tổng		
Trên dây xiên	1 kg/m dây	3	14	17	7,53	81,0
	1,5 kg/m dây	3	14	17	7,63	80,1
	2 kg/m dây	3	14	17	7,71	79,5
	Trung bình	3,0	14,0	17,0	7,62	80,2
Trên liếp	6 kg/liếp	3	12	15	7,47	84,0
	7 kg/liếp	3	12	15	7,54	82,9
	8 kg/liếp	3	13	16	7,59	81,2
	Trung bình	3,0	12,3	15,3	7,53	82,7

Kết quả cho thấy, thời gian ủ vàng của các công thức thử nghiệm ở mức tương đương nhau (3 ngày), không có sự khác biệt giữa các công thức mật độ lá và phương pháp hong.

Thời gian sấy khô không có sự sai khác khi tăng mật độ lá ở phương pháp hong dây xiên với thời gian là 14 ngày. Đối với phương pháp hong trên liếp duy nhất chỉ có 1 mật độ 8kg/liếp làm tăng 01 ngày lên

mức 13 ngày. Khi mật độ lá tăng, khả năng lưu thông không khí trong khối lá giảm, làm chậm quá trình thoát ẩm và kéo dài thời gian sấy khô.

So sánh 2 phương pháp hong cho thấy, phương pháp hong trên liếp có thời gian hoàn thành quá trình sơ chế ngắn hơn 1,7 ngày so với hong dây xiên. Nguyên nhân là do lá trên liếp có bề mặt tiếp xúc với không khí lớn hơn, độ thông thoáng tốt hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình mất nước.

Tỷ lệ tươi/khô của nguyên liệu giống Basma 16 dao động từ 7,47-7,71 kg lá tươi/kg lá khô. Sự khác biệt giữa các mức mật độ trong cùng phương pháp hong không lớn.

Về tỷ lệ lá cấp 1+2, các công thức thử nghiệm đạt từ 79,5-84,0%. Phương pháp hong trên liếp cho tỷ lệ lá cấp 1+2 cao hơn 2,5% so với hong dây xiên. Khi tăng mật độ lá hong phơi trên liếp, tỷ lệ lá cấp 1+2 có xu hướng giảm nhẹ. Điều này được giải thích do hong trên liếp có điều kiện thông thoáng tốt hơn, quá trình thoát nước diễn ra đồng đều, hạn chế hiện tượng lên men không mong muốn hoặc tổn thương cơ học trong quá trình sơ chế.

Kết quả cho thấy, mật độ 6 kg lá tươi/liếp là mức phù hợp nhất, vừa đảm bảo thời gian hong phơi hợp lý, vừa duy trì tỷ lệ lá cấp 1+2 cao, phù hợp để áp dụng trong sản xuất nguyên liệu Oriental giống Basma 16 tại Đắk Lắk.

3.3. Ảnh hưởng của mật độ lá hong phơi đến chất lượng nguyên liệu thuốc lá Oriental

Sự thay đổi nhiệt độ, độ ẩm và tốc độ mất nước của lá trong quá trình hong phơi tác động trực tiếp đến quá trình chuyển hóa các hợp chất hóa học, hình thành màu sắc, hương thơm và tính chất hút của nguyên liệu. Kết quả phân tích thành phần hóa học chính và đánh giá cảm quan nguyên liệu giống Basma 16 ở các công thức thí nghiệm được trình bày tại Bảng 4.

Bảng 4. Hàm lượng nicotine, đường khử và điểm bình hút cảm quan mẫu nguyên liệu thuốc lá Oriental giống Basma 16 tại Đắk Lắk vụ mùa 2025-2026

Công thức thử nghiệm		Thành phần hóa học (%)		Điểm bình hút cảm quan (điểm)		
Phương pháp hong	Mật độ lá	Nicotin	Đường khử	Hương thơm	Vị	Tổng điểm
Trên dây xiên	1 kg/m dây	0,72	6,6	8,63	10,43	33,93
	1,5 kg/m dây	1,00	8,1	8,38	10,05	33,04
	2 kg/m dây	0,91	7,4	8,59	10,38	33,80
Trên liếp	6 kg/liếp	0,75	9,2	8,59	10,31	33,28
	7 kg/liếp	0,70	9,1	8,49	10,13	32,80
	8 kg/liếp	0,81	7,6	8,56	10,20	33,08

3.3.1. Ảnh hưởng của mật độ hong phơi đến thành phần hóa học nguyên liệu

Kết quả phân tích cho thấy:

Hàm lượng nicotine dao động từ 0,70-0,81% ở phương pháp hong trên liếp và từ 0,72-1,00% ở phương pháp hong trên dây xiên. Không có quy luật rõ rệt về sự thay đổi hàm lượng nicotine ở các công thức trong mỗi phương pháp hong phơi. Các công thức thử nghiệm đều có hàm lượng nicotine ở mức phù hợp với đặc tính nguyên liệu của nhóm thuốc lá Oriental.

Hàm lượng đường khử: các công thức hong trên liếp có hàm lượng đường khử trung bình 8,6% và cao hơn so với mức 7,3% của các công thức hong trên dây xiên. Sự khác biệt này được lý giải ở tổng thời gian kéo dài hơn của phương pháp hong phơi trên dây xiên kéo theo sự phân giải lớn hơn của các thành phần đường trong lá do quá trình hô hấp. Tuy vậy, mức biến động từ 6,6-9,2% vẫn trong khoảng phù hợp đối với nguyên liệu thuốc lá Oriental, góp phần tạo vị êm dịu, cân bằng và tăng khả năng tạo hương khi sử dụng phối chế thuốc lá điều.

3.3.2. Ảnh hưởng của mật độ hong phơi đến chất lượng cảm quan nguyên liệu

Kết quả đánh giá cảm quan cho thấy, các mẫu nguyên liệu Basma 16 sau hong phơi đều đạt chất lượng khá, thể hiện qua các chỉ tiêu về hương thơm, vị và tổng điểm bình hút.

Về hương thơm, điểm đánh giá của các công thức dao động từ 8,38-8,63 điểm. Các mẫu đều thể hiện được đặc trưng của nguyên liệu Oriental với mùi thơm dịu, hài hòa và cường độ hương ở mức khá. Sự khác biệt giữa các mật độ lá trong cùng phương pháp hong không rõ rệt, cho thấy mức mật độ thử nghiệm chưa làm thay đổi đáng kể khả năng hình thành các hợp chất tạo hương trong lá.

Về chỉ tiêu vị, các mẫu nguyên liệu có điểm đánh giá từ 10,05-10,43 điểm. Nguyên liệu có vị tương đối êm, độ nặng phù hợp, không xuất hiện sự khác biệt đáng kể giữa các công thức. Điều này chứng tỏ quá trình hong phơi ở các mức mật độ khác nhau vẫn duy trì được sự cân bằng giữa các thành phần hóa học trong lá.

Tổng điểm bình hút của các mẫu dao động từ 32,80-33,93 điểm, thuộc mức khá. Trong đó: Mẫu hong trên liếp đạt từ 32,80-33,28 điểm và mẫu hong trên dây xiên đạt từ 33,04-33,93 điểm. Sự chênh lệch về điểm bình hút giữa hai phương pháp không lớn, chứng tỏ phương pháp hong trên liếp mặc dù có ưu điểm về thời gian sơ chế và giảm chi phí lao động nhưng vẫn đảm bảo chất lượng nguyên liệu tương đương với phương pháp hong dây xiên truyền thống.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu thử nghiệm kỹ thuật hong phơi thuốc lá Oriental giống Basma 16 tại Đắk Lắk trong vụ mùa 2025-2026 cho thấy:

Phương pháp hong trên liếp có tổng thời gian hong phơi rút ngắn 1,7 ngày, tỷ lệ lá cấp 1+2 cao hơn 2,5% và hàm lượng đường khử cũng cao hơn nhưng không có sự khác biệt về hương thơm so với phương pháp hong trên dây xiên.

Các công thức hong trên liếp không có sự khác biệt đáng kể về điểm hương thơm và tổng điểm bình hút nhưng công thức 6 kg/liếp có tỷ lệ lá cấp 1+2 cao hơn công thức 7 kg/liếp và 8 kg/liếp ở mức tương ứng 1,1% và 2,8%.

Trên cơ sở tổng hợp các tiêu chí về điều kiện hong phơi, thời gian sơ chế, tỷ lệ lá cấp 1+2, thành phần hóa học và chất lượng cảm quan, mật độ 6 kg lá tươi/liếp đối với phương pháp hong trên liếp được sơ bộ xác định là phù hợp nhất. Kết quả này khi được khẳng định sẽ là cơ sở để xây dựng quy trình sản xuất nguyên liệu thuốc lá Oriental giống Basma 16 tại Đắk Lắk ■

Lời cảm ơn:

Các tác giả chân thành cảm ơn Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam đã cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ, cũng như sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo Viện Thuốc lá, các đồng nghiệp, nhân dân và chính quyền địa phương đã tạo điều kiện để nhóm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN VÀ THAM KHẢO:

Bộ Khoa học và Công nghệ. (2022). Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13583:2022 Đánh giá chất lượng thuốc lá nguyên liệu - Đánh giá cảm quan bằng phương pháp cho điểm.

CORESTA 85:2017: Xác định hàm lượng Nicotin theo phương pháp phân tích dòng liên tục về Thuốc lá.

CORESTA 38:2010: Xác định hàm lượng đường khử trong thuốc lá bằng phương pháp phân tích dòng liên tục.

Đỗ Đình Dũng (2024). Sản xuất thử và nghiên cứu kỹ thuật thu hoạch, hong phơi thuốc lá Oriental giống Hanski 227 tại Đắk Lắk. Báo cáo khoa học cấp Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

Tiêu chuẩn phân cấp thuốc lá của Bungari. (1985). Tiêu chuẩn quốc gia 9271 - 85.

Viện Thuốc lá. (2024). Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 03:2024/VTL về Khảo nghiệm giá trị cạnh tác và giá trị sử dụng của giống thuốc lá Oriental.